

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

ma túy. Do mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng chị sống ly thân từ tháng 3/2021 cho đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh H.

Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng chị có 02 con chung là Nguyễn Hữu B, sinh ngày 10/7/2009 và Nguyễn Thị Bình A, sinh ngày 09/7/2014. Hiện nay 02 con chung đang ở với anh H. Ly hôn chị xin được nuôi con chung là Nguyễn Thị Bình A, còn anh H tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Hữu B. Chị và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị L vẫn giữ nguyên ý kiến trên.

** Tại bản tự khai ghi ngày 20/3/2023 và các lời khai tiếp theo bị đơn là anh Nguyễn Hữu H trình bày:*

Anh thừa nhận về thời gian kết hôn, quá trình sống chung như chị L trình bày là đúng. Về mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, anh H trình bày vợ chồng anh không xảy ra mâu thuẫn gì. Cách ngày 20/3/2023 khoảng 15 ngày thì chị L đột xuất bỏ về nhà ngoại và đòi ly hôn anh nhưng anh không đồng ý vì còn yêu thương chị L và anh có thể bỏ hết thói hư, tật xấu. Nếu chị L cương quyết ly hôn thì anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh H xác nhận vợ chồng chị có 02 con chung là Nguyễn Hữu B, sinh ngày 10/7/2009, Nguyễn Thị Bình A, sinh ngày 09/7/2014. Hiện nay anh đang chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con. Ly hôn anh xin được nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung và không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 28/3/2023, bà Nguyễn Thị Xuyên – Trưởng thôn Đồng Kim, xã Song Vân và bà Phạm Thị Hảo (mẹ đẻ anh H) cùng cho biết: Chị Lý Thị L, anh Nguyễn Hữu H là công dân địa phương. Chị L kết hôn với anh H năm 2008, sau khi kết hôn vợ chồng chị L, anh H về ở cùng nhau. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Thời gian gần đây phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và làm ăn kinh tế. Vợ chồng không quan tâm đến nhau. Đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, con chung theo quy định.

Toà án đã mở phiên hoà giải để hoà giải về quan hệ vợ chồng, con chung, tài sản, công nợ, án phí nhưng các đương sự không thống nhất thỏa thuận được.

Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự giữ nguyên ý kiến về việc giải quyết vụ án, không có chứng cứ gì khác giao nộp cho Tòa án và cũng không có yêu cầu hoặc đề nghị gì khác.

Sau phần tranh luận, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Anh H không chấp hành quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình, Khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 271,

Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị L được ly hôn anh Nguyễn Hữu H.
 2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Hữu H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Hữu B, sinh ngày 10/7/2009. Giao cho chị Lý Thị L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Thị Bình A, sinh ngày 09/7/2014.
 3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do chị L, anh H mỗi người nuôi một con và không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.
 4. Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác: Chị Lý Thị L và anh Nguyễn Hữu H không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.
- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lý Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lý Thị L đã được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Hữu H đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt. Nên Tòa án xét xử vắng mặt đương sự theo điểm b khoản 02 Điều 227, khoản 01 khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Ngày 07/3/2023, Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của chị Lý Thị L là theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị Lý Thị L và anh Nguyễn Hữu H xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện T, tỉnh B, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ, chồng và được coi là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy, anh chị có thời gian chung sống hạnh phúc đến tháng 03/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do mâu thuẫn tình cảm vợ chồng và không còn tình cảm. Vợ chồng đã ly thân thời gian dài, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mặc dù bản thân và gia đình đã tích cực hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không được. Vì vậy, xét mâu thuẫn giữa Chị L, anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận yêu cầu cho chị Lý Thị L được ly hôn anh Nguyễn Hữu H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Vợ chồng chị L, anh H có 02 con chung là Nguyễn Hữu B, sinh ngày 10/7/2009 và Nguyễn Thị Bình A, sinh ngày 09/7/2014. Khi giải quyết vụ án về ly hôn này cần xem xét đến quyền lợi của các bên đương sự nhất là quyền lợi mọi mặt của trẻ em. Xét điều kiện nuôi con thấy: Hai con hiện

nay đang ở với anh H. Khi ly hôn, chị L xin được nuôi dưỡng 01 con chung là Nguyễn Thị Bình A và để anh H tiếp tục nuôi dưỡng 01 con chung là Nguyễn Hữu B. Anh H, chị L đều mong muốn nuôi con chung và có điều kiện nuôi con. Mặt khác, con chung là Nguyễn Hữu B có nguyện vọng được ở với bố, con chung là Nguyễn Thị Bình A có nguyện vọng được ở với mẹ. Nên căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của chị L và giao cháu Nguyễn Hữu B cho anh Nguyễn Hữu H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Nguyễn Thị Bình A cho chị Lý Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp và đảm bảo sự ổn định, phát triển về mọi mặt của cháu Bình, cháu An.

Chị Lý Thị L và anh Nguyễn Hữu H không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị L, anh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do chị L, anh H mỗi người nuôi một con và không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác: Chị Lý Thị L và anh Nguyễn Hữu H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lý Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, khoản 1 khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 02 Điều 227, khoản 01 khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị L được ly hôn anh Nguyễn Hữu H.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Hữu H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Hữu B, sinh ngày 10/7/2009. Giao cho chị Lý Thị L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Thị Bình A, sinh ngày 09/7/2014.

Chị Lý Thị L và anh Nguyễn Hữu H được quyền thăm nom con, không ai được cản trở Chị L, anh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác: Chị Lý Thị L và anh Nguyễn Hữu H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lý Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0004757 ngày 07/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Xác nhận chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang,
- VKSND huyện Tân Yên,
- Chi cục THADS Tân Yên,
- UBND xã S,
- Các đương sự,
- Lưu hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ánh Dương